

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 175/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 – 12 – 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyến.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hà Linh là Thư ký Toà án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:** Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2022/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Kiều M, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện PH. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Nhưng từ năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P không quan tâm đến đời sống gia đình, không chăm lo làm ăn, vợ chồng tính tình không hợp nhau như trước, từ đó thường hay cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Chị và anh P đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh P và không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích T (giới tính: Nữ), sinh ngày 09/10/2015. Hiện con chung đang sống với anh P, chị thống nhất để anh P tiếp tục nuôi con, chị chưa cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và chị M có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M có quen với người đàn ông khác, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị M yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung: anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M và anh P vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị M được ly hôn với anh P. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thị Bích T (giới tính: Nữ), sinh ngày 09/10/2015 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị M chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom con cho chị M không ai được ngăn cản. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến bị đơn, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn P có địa chỉ cư trú tại huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* nguyên đơn, bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Kiều M và anh Nguyễn Văn P tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, **nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp**, anh chị không còn sống chung với nhau và anh chị đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và thống nhất ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm của anh chị đối với nhau không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã

thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M được ly hôn với anh P.

[4] *Về con chung*: Chị M và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích T (giới tính: Nữ), sinh ngày 09/10/2015. Tòa xét thấy: cháu T hiện tại do anh P trực tiếp nuôi dưỡng, anh P có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị M cũng thống nhất không có tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Tuy nhiên do chưa có yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều M được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: giao con chưa thành niên tên Nguyễn Thị Bích T (giới tính: Nữ), sinh ngày 09/10/2015 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị Kiều M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc chị Lê Thị Kiều M chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. **Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008440 ngày 10/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH thành án phí.**

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- UBND xã P, PH, HG.
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Em

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Quyền – Nguyễn Thị Hồng Loan

Lê Hoàng Em

